

KHÍA CẠNH PHÁP LÝ ĐỐI VỚI MÔ HÌNH KINH TẾ CHIA SẺ: NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN QUA MÔ HÌNH CHIA SẺ PHÒNG LƯU TRÚ AIRBNB

Lê Thị Thu Thủy

Trường Đại học Ngoại thương

Email: thuyltt@ftu.edu.vn

Nguyễn Hồng Quân

Trường Đại học Ngoại thương

Email: quannh@ftu.edu.vn

Ngày nhận: 28/11/2019

Ngày nhận bản sửa: 04/3/2020

Ngày duyệt đăng: 05/8/2020

Tóm tắt

Kinh tế chia sẻ (sharing economy) được bàn luận nhiều ở Việt Nam trong thời gian gần đây và Chính phủ Việt Nam thống nhất xây dựng đề án thí điểm cho một số lĩnh vực hoạt động. Bên cạnh lĩnh vực vận tải với các thương hiệu như Grab, GoViet, Be, lĩnh vực dịch vụ lưu trú có mô hình AirBnB, chia sẻ nhà ở với sự tham gia của nhiều khách sạn và các cơ sở lưu trú. Mô hình Airbnb tại Việt Nam đã đem đến rất nhiều ích lợi cho cả người cho thuê và người đi thuê. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra không ít rủi ro, thách thức đối với người dùng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Nghiên cứu này tập trung phân tích thực tiễn mô hình kinh doanh của AirBnB dưới góc độ pháp lý nhằm làm rõ mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể trong mô hình thông qua việc phân tích mô hình kinh doanh và để đưa ra những đề xuất và kiến nghị đối với các bên có liên quan.

Từ khóa: Phòng lưu trú, kinh tế chia sẻ, AirBnB, cách mạng công nghiệp 4.0, môi giới thương mại điện tử.

Mã JEL: K34, M13, M31

The legal aspects of the sharing economy model: Practical research with AirBnB model Abstract:

The sharing economy has been discussed in Vietnam recently and the Government of Vietnam has agreed to develop pilot projects for a number of operational areas. In addition to the transport sector with brands such as Grab, GoViet, Be, the accommodation service sector has also appeared the AirBnB model, housing sharing has appeared in Vietnam with the participation of many hotels and accommodation facilities. The Airbnb model in Vietnam has brought a lot of benefits to both renters and leasers. However, it also poses many risks and challenges for users, businesses and state management agencies. This study focuses on the practical analysis of AirBnB's business model from a legal perspective in order to clarify the economic relationship between the subjects in the model by analyzing AirBnB model and suggest recommendations to related parties.

Keywords: Accommodations, sharing economy, AirBnB, industrial revolution 4.0, e-commerce brokerage.

JEL Code: K34, M13, M31

1. Giới thiệu

“Kinh tế chia sẻ” là đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, môi giới thương mại điện tử đã tồn tại và bắt đầu phát triển mạnh ở nước ta trong

vòng 5 năm trở lại đây. Các thương hiệu AirBnB, Travelmob, Triip.me... đã trở nên quen thuộc và đóng vai trò kết nối những người có nhu cầu sử dụng và những người có nhu cầu cung cấp dịch vụ vận tải, nhà ở, phòng ngủ hay các tài sản khác...AirBnB là

mô hình kết nối người cần thuê nhà, thuê phòng nghỉ với những người có phòng cho thuê trên khắp thế giới thông qua ứng dụng di động tương tự như ứng dụng chia sẻ xe của Grab hay Uber. Tuy nhiên, trên thực tế xét ở khía cạnh pháp lý thì mô hình AirBnB hoạt động ở Việt Nam vẫn còn nhiều điểm cần phải nghiên cứu làm rõ dưới góc độ trung gian thương mại điện tử, quản lý thuế xuyên biên giới.

Bài viết được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định tính dựa trên việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu liên quan để làm rõ bản chất của môi giới thương mại trong kinh tế chia sẻ; phân tích và vận dụng các quy định pháp lý trong và ngoài nước có liên quan đến môi giới thương mại điện tử vào thực tiễn hoạt động AirBnB tại Việt Nam để làm căn cứ nhận diện các vấn đề pháp lý còn thiếu trong quản lý mô hình hoạt động này từ đó đưa ra các đề xuất để quản lý hiệu quả hơn các hoạt động theo mô hình kinh tế chia sẻ tại Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Kinh tế chia sẻ

Sự gia tăng của các nền tảng trao đổi ngang hàng đã cho phép các cá nhân cùng nhau chia sẻ và sử dụng các nguồn tài nguyên chưa được sử dụng trên quy mô lớn đã cho ra đời khái niệm nền kinh tế chia sẻ (Sundararajan, 2016; Zervas & cộng sự, 2017; Jiang & cộng sự, 2018; Tian & Jiang, 2018). Nền kinh tế chia sẻ là nền kinh tế đồng tiêu dùng, trong đó nhiều người chia sẻ sản phẩm (Ki & Lee, 2019). Đây là mô hình trong đó doanh nghiệp khai thác những tài nguyên sẵn có của các cá nhân, tận dụng ưu điểm của các nền tảng trực tuyến và dữ liệu lớn để kết nối chủ sở hữu với người cần sử dụng, cung cấp cho các cá nhân thông tin cho phép tối ưu hóa các nguồn lực thông qua việc tối ưu hóa nguồn cung ứng dư thừa của hàng hóa và dịch vụ. Mô hình điển hình như AirBnB và Couchsurf trong ngành khách sạn, Uber, Lyft, Blablacar trong ngành vận tải ô tô, Mobypark trong lĩnh vực đỗ xe, Lufax trong lĩnh vực tài chính đã rất phát triển về quy mô thị trường trong thời gian gần đây (Tian & Jiang, 2018). Bằng cách kích hoạt cung cấp sản phẩm/dịch vụ từ các nguồn tài nguyên chưa được sử dụng thuộc sở hữu của rất nhiều cá nhân phân phối theo địa lý, nền tảng kinh tế chia sẻ đã nổi lên như một kênh thay thế để tiếp cận với hàng hóa và dịch vụ được cung cấp bởi các ngành công nghiệp lâu đời, như dịch vụ vận tải ô tô, khách sạn, v.v. (Sundararajan, 2016). Trên thực tế, đặc điểm độc đáo và mới lạ của việc khai thác

các nguồn tài nguyên chưa được sử dụng thuộc sở hữu của nhiều cá nhân phân phối theo địa lý để có được giá cả cạnh tranh thông qua việc chia sẻ kinh tế (Zervas & cộng sự, 2017). Tính năng khác biệt này của nền kinh tế chia sẻ có khả năng tác động đặc biệt đến các ngành công nghiệp phải đối mặt với sự thay đổi cao về nhu cầu của khách hàng, vì những doanh nghiệp mới tham gia thị trường có thể mở rộng để đáp ứng nhu cầu linh hoạt hơn, do việc điều chỉnh nguồn cung dễ dàng hơn khi dựa vào số lượng nhỏ được sử dụng và tài nguyên phân phối theo địa lý (Blal & cộng sự, 2018). Kinh tế chia sẻ được xem xét dưới góc độ pháp lý vẫn còn nhiều tranh cãi giữa việc thừa nhận mô hình này như là mô hình truyền thống hay là mô hình thương mại điện tử điều này đã thể hiện rất rõ thông qua phán quyết của Tòa án công lý Liên minh Châu Âu về các vụ kiện Uber. Đây là khoảng trống bỏ ngỏ nhằm thiết lập môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp (Martin, 2019).

2.2. Môi giới thương mại điện tử trong kinh tế chia sẻ

Để hiện thực hóa ý tưởng “kinh tế chia sẻ” nêu trên, đòi hỏi phải có một bên thứ ba kết nối giữa bên chia sẻ và bên nhận chia sẻ, gọi là bên môi giới. Hoàng Phê (2018) định nghĩa môi giới là “người làm trung gian để cho hai bên tiếp xúc, giao thiệp với nhau”. Bên cạnh đó, Quốc hội (2014, Điều 6) quy định rằng hoạt động môi giới nói chung không phải là ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh. Song, có thể thấy, hoạt động này cũng không đơn thuần như môi giới thương mại thông thường mà được thực hiện trên môi trường điện tử có kết nối mạng, do đó, đây được coi như một hình thức mới so với môi giới thương mại, gọi là môi giới trong thương mại điện tử. Các chủ thể môi giới trong kinh tế chia sẻ thiết lập cơ sở hạ tầng kỹ thuật tạo ra các website, nền tảng công nghệ thu hút những người có nhu cầu chia sẻ quyền sử dụng hàng hóa, dịch vụ, đồng thời họ tiến hành các hoạt động kết nối, tạo điều kiện cho các bên có nhu cầu giao kết hợp đồng với nhau và nhận thù lao từ các giao dịch môi giới thành công. Như vậy, hoạt động môi giới thương mại điện tử vừa chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật thương mại về hoạt động môi giới, vừa chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật thương mại điện tử.

Môi giới trong thương mại điện tử có những đặc điểm chính như: (i) được thực hiện trong môi trường

điện tử có kết nối mạng; (ii) chủ thể trong quan hệ môi giới không chỉ là thương nhân hoạt động kinh doanh thương mại, có đăng ký kinh doanh mà còn là chủ sở hữu hàng hóa, dịch vụ đang nhân rồi, có nhu cầu kiếm thêm thu nhập, hoạt động độc lập, không phải là thương nhân, không đăng ký kinh doanh; và (iii) nội dung hoạt động môi giới thương mại điện tử rất rộng, có thể bao gồm nhiều hoạt động như: tìm kiếm và cung cấp các thông tin cần thiết về đối tác cho bên được môi giới, tiến hành các hoạt động giới thiệu hàng hóa, dịch vụ cần môi giới, tạo nền tảng để các bên liên lạc, trao đổi và giao kết hợp đồng với nhau.

2.3. Dịch vụ chia sẻ phòng lưu trú trực tuyến

Trong lĩnh vực du lịch và lữ hành, chia sẻ phòng lưu trú là một hoạt động đang thu hút sự quan tâm của các bên liên quan vì nó lợi ích mà nó mang lại. Các giao dịch giữa nhà cung cấp tài nguyên và khách du lịch có thể dễ dàng được quản lý trực tuyến do sự gia tăng của các nền tảng ngang hàng kỹ thuật số (Constantinides & cộng sự, 2018), các mô hình đã được triển khai theo hình thức đại lý du lịch trực tuyến đã hợp nhất có mối quan hệ giữa sự hài lòng của khách hàng đối với phòng lưu trú thông qua trải nghiệm và cảm nhận (Trần Thị Hiền & cộng sự, 2019). Lazar (2018) cho rằng: ‘mô hình chia sẻ phòng lưu trú của AirBnB hiện đang hoạt động hợp pháp hầu hết ở Nam Úc, tương tác qua hệ thống điện tử có khả năng công nhận theo hợp đồng thuê nhà và tài sản pháp luật’. Mô hình kinh tế chia sẻ trong kinh doanh lưu trú, phát triển bùng nổ, ảnh hưởng đến thị trường nhà và khách sạn trên toàn thế giới, hoạt động này rất phát triển ở Séc, có tới 80% các công ty bất động sản sử dụng nền tảng của AirBnB nhưng lại không phải chịu thuế (Krajcik & cộng sự, 2019).

Chia sẻ phòng lưu trú trực tuyến là một phần của một loạt các thực tiễn đang được mô tả khác nhau như là chia sẻ ngang hàng với nhau, hay chia sẻ kinh tế, nơi những người tham gia vào tiêu dùng hợp tác thông qua mượn/thuê mượn thay vì mua/bán (Hamari & cộng sự, 2016). Bằng cách mở khóa công suất tiềm ẩn trong các văn phòng, nhà ở và phương tiện hiện có thông qua các thị trường trực tuyến, những người ủng hộ cho rằng, chia sẻ kết quả của các thành phố bền vững và hiệu quả hơn, đồng thời mở ra cơ hội kinh tế mới cho các cá nhân và cộng đồng (Sharable, 2013).

3. Kết quả nghiên cứu dưới khía cạnh pháp lý đối với hoạt động của AirBnB

Ủy ban Kinh tế và xã hội của Châu Âu (EESC) đã lưu ý rằng các hoạt động tiêu dùng, hợp tác hoặc có sự tham gia hợp tác bao gồm hầu hết các khía cạnh trong cuộc sống hàng ngày như: (1) Trong di chuyển: chia sẻ xe, cho thuê và sử dụng chung phương tiện: taxi, xe đạp và nơi đỗ và đi chung; (2) Sử dụng hiệu quả năng lượng: sử dụng chung các dụng cụ gia đình; (3) Chỗ ở và khu vực trồng trọt: cho thuê phòng, nhà ở chung và giao đất ở thành thị và nông thôn; (4) Trong kinh doanh: chia sẻ công việc và không gian văn phòng làm việc; (5) Thông tin liên lạc: nền tảng di động, nơi mọi người có thể mua và bán hàng hóa và dịch vụ cho những người sống trong một cộng đồng; (6) Trong việc làm: công việc vật, thuê người cho công việc cụ thể hoặc việc chân tay; (7) Văn hóa: đọc và đổi sách chéo và giao lưu văn hóa giữa những người trẻ từ các quốc gia khác nhau; (8) Giáo dục: cộng đồng số cho việc học ngôn ngữ; (9) Thời gian và kỹ năng: ngân hàng thời gian; (10) Giải trí: Chia sẻ nội dung số; (11) Tài chính: các khoản vay giữa các cá nhân, các khoản vay trực tiếp từ các cá nhân cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, gây quỹ cộng đồng hoặc tài chính tập thể, gây quỹ cộng đồng cho nhóm lợi ích; (12) Du lịch: trải nghiệm ăn uống tại nhà hàng và trao đổi thực phẩm ngang hàng; (13) Nghệ thuật và cũng là thị trường trao đổi và quyên góp quần áo và các mặt hàng cho trẻ em, sửa chữa và tái chế các đồ vật; (14) Thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tái tạo, nơi có thể chia sẻ năng lượng thừa qua mạng.

Như vậy, có thể thấy rằng EESC đã đưa ra rất nhiều hoạt động thuộc nhiều khía cạnh của đời sống xã hội có liên quan đến mô hình kinh tế chia sẻ một mặt có tính hướng dẫn các quốc gia trong công tác định hướng và quản lý, mặt khác cũng cho thấy đây là những hoạt động đem lại giá trị lợi ích cao cho xã hội khi các mô hình triển khai thực hiện đúng vai trò và chức năng của mình, đặc biệt là tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Tại Mỹ, mô hình AirBnB được coi là nền tảng công nghệ chứ không phải là doanh nghiệp xây dựng và sở hữu khách sạn nên sẽ không chịu sự điều chỉnh của luật nhà ở và luật xây dựng. Hợp đồng của AirBnB với cá nhân và tổ chức được thực hiện trong ngắn hạn và chủ yếu phục vụ nhu cầu du lịch cá nhân (Biber & cộng sự, 2017). Vì vậy, cơ sở pháp lý của mô hình AirBnB chịu sự điều chỉnh ở Mỹ là Luật thương mại và Luật giao dịch điện tử (VTIC, 2016).

Thêm vào đó, quy định tại Điều 13, Chương 14 quy định về thương mại điện tử trong Hiệp định CPTPP mà Việt Nam đã tham gia ký kết, các quy định có hướng mở đối với việc cung cấp dịch vụ thương mại điện tử xuyên biên giới trong đó có Airbnb. Theo đó, các doanh nghiệp thương mại điện tử như Netflix, Airbnb, Google, v.v... không nhất thiết phải thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (Bộ Công Thương, 2018).

Trên cơ sở các quy định có liên quan ở một số nước và tổ chức thương mại trên thế giới, điểm chung nhất từ các quy định là việc coi Airbnb và các mô hình kinh tế chia sẻ là nền tảng công nghệ và chịu sự điều chỉnh từ các quy định pháp luật có liên quan tới thương mại và giao dịch điện tử.

3.1. Quy định pháp lý của Việt Nam đối với hoạt động của Airbnb

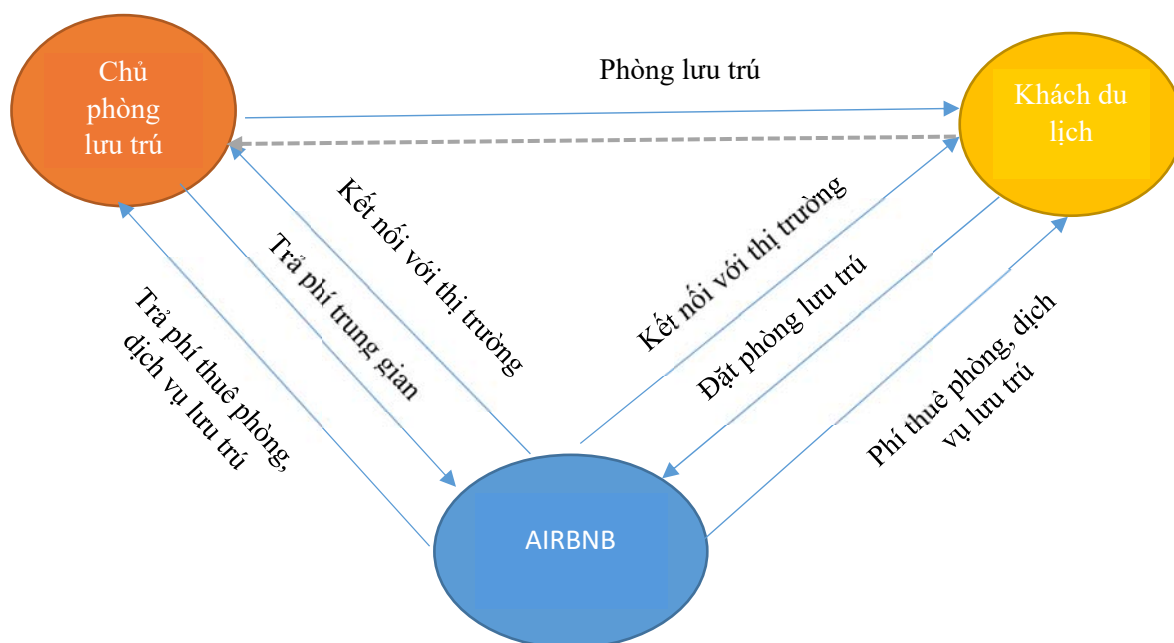
Nhìn chung, hoạt động môi giới trong thương mại điện tử (Airbnb) chưa có quy định thống nhất, cụ thể trong pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, Quốc hội (2014, Điều 6) quy định về các ngành nghề bị cấm đầu tư, kinh doanh thì về cơ bản, hoạt động môi giới không phải là ngành nghề bị cấm đầu tư, kinh doanh và Quốc hội (2014, Điều 7) quy định hoạt động môi giới trong thương mại điện tử không phải là ngành nghề bị cấm đầu tư, kinh doanh nên được quyền tự do đầu tư, kinh doanh. Quốc hội (2005, Khoản 1, Điều 150) cũng quy định: “Môi giới thương mại là

hoạt động thương mại, theo đó một thương nhân làm trung gian (gọi là bên môi giới) cho các bên mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (gọi là bên được môi giới) trong việc đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ và được hưởng thù lao theo hợp đồng môi giới.”

Như vậy, về bản chất thì hoạt động môi giới trong thương mại điện tử và môi giới thương mại có điểm chung cùng là hoạt động môi giới, trung gian, kết nối giữa bên môi giới và bên được môi giới, hướng tới mục đích cuối cùng là hai bên giao kết hợp đồng với nhau. Song về phạm vi, hoạt động môi giới trong thương mại điện tử lại không chỉ giới hạn trong phạm vi của môi giới thương mại. Cụ thể, Quốc hội (2005, Khoản 1, Điều 6) quy định chủ thể tham gia trong hoạt động môi giới thương mại phải có ít nhất một bên được môi giới là thương nhân, trong đó thương nhân theo gồm “tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh”. Đối với môi giới trong thương mại điện tử, chủ thể tham gia hoạt động này không chỉ là thương nhân mà còn có thể là chủ sở hữu hàng hóa, dịch vụ đang nhàn rỗi, có nhu cầu kiếm thêm thu nhập. Các chủ thể này hoạt động độc lập nhưng không thường xuyên, không đăng ký kinh doanh, theo đó mà không được coi là thương nhân theo quy định.

Bên cạnh đó, Quốc hội (2005, Khoản 3, Điều

Hình 1: Mô hình chia sẻ phòng lưu trú Airbnb



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, năm 2019.

151) quy định bên môi giới thương mại có nghĩa vụ “*chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của các bên được môi giới*”. Vậy thì chủ thể môi giới thương mại điện tử liên quan đến ngành nghề kinh doanh có điều kiện có vi phạm nghĩa vụ của bên môi giới không? Họ có thể lý giải về tiêu chí kết nối với người sở hữu phương tiện, đồ dùng, phòng ngủ khách sạn mà họ nhận rồi hay cùng tuyến đường để phản biện lại - đó là quan hệ dân sự chứ không phải là hoạt động thương mại do thiếu yếu tố “*thực hiện thường xuyên, mang tính nghề nghiệp*”. Nhưng cách giải thích này rất thiếu tính thuyết phục vì việc xác định trên thực tế là rất khó.

Như vậy, xét trên các quy định hiện hành của hệ thống pháp luật Việt Nam, chưa có quy phạm cụ thể điều chỉnh mô hình chia sẻ phòng lưu trú như của AirBnB cũng như các mô hình kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực vận tải như Grab, Goviet, Be, v.v... đây cũng là một khoảng trống pháp lý cần phải xem xét để có những quy định pháp lý điều chỉnh hoạt động này trong thời gian tới.

3.2. Bản chất của hoạt động AirBnB

Khi hoạt động môi giới thương mại điện tử có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh có điều kiện như dịch vụ lưu trú (AirBnB), xuất hiện hai luồng quan điểm hiện nay cho rằng: (1) đây là hoạt động kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện; (2) là hoạt động môi giới thương mại.

Chính sự không thống nhất này là nguyên nhân dẫn đến các tranh cãi khi định hình về bản chất của các hoạt động của mô hình kinh tế chia sẻ như AirBnB. Khi chủ thể thiết lập cơ sở hạ tầng kỹ thuật tạo ra môi trường ảo, thu hút những người có nhu cầu chia sẻ quyền sử dụng hàng hóa và dịch vụ, về bản chất họ đang kinh doanh dịch vụ môi giới thương mại điện tử. Hàng hóa, dịch vụ được chia sẻ không thuộc quyền sở hữu của chủ thể cung cấp website, ứng dụng di động. AirBnB chỉ cung cấp nền tảng,

dịch vụ trung gian để những người có nhu cầu chia sẻ quyền sử dụng phòng khách sạn của mình. Nói cách khác, về bản chất, AirBnB chỉ thúc đẩy, tạo điều kiện cho các bên có nhu cầu giao kết hợp đồng với nhau. Việc thanh toán cho việc sử dụng hàng hóa, dịch vụ sẽ được các bên thực hiện trực tiếp với nhau, hoặc thông qua việc thu hộ của bên môi giới cho chủ sở hữu. Lợi nhuận của AirBnB được xác định từ thù lao từ các giao dịch đã được môi giới thành công.

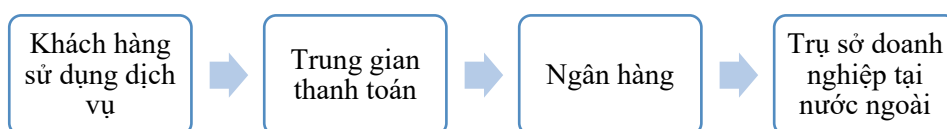
Những người sở hữu phòng lưu trú tham gia hoạt động chia sẻ thông qua website, ứng dụng di động độc lập với AirBnB. Họ tham gia giao dịch với người tiêu dùng, với khách hàng nhân danh chính bản thân mình chứ không nhân danh của AirBnB. Ngoài ra, AirBnB không ký bất kỳ một hợp đồng lao động nào với các cá nhân cung cấp dịch vụ, giữa họ không tồn tại quan hệ lao động.

Như vậy, có thể khẳng định một lần nữa, bản chất của hoạt động của AirBnB là hoạt động môi giới thương mại. Tuy nhiên, Luật thương mại hiện hành được Quốc hội thông qua từ năm 2005 đã trải qua 15 năm. Vì vậy, áp dụng để quy định cho những loại hình thương mại mới ra đời nói chung hay hoạt động môi giới trong thương mại điện tử nói riêng vẫn còn nhiều bất cập. Nhu cầu cấp thiết đặt ra là cần phải có những sửa đổi, bổ sung theo hướng kế thừa và phát triển của Luật thương mại (2005), đồng thời với việc đó là việc sửa đổi bổ sung một số quy định trong Luật Giao dịch điện tử (2005) và Luật Công nghệ thông tin (2006) để đảm bảo tính đồng bộ nhằm điều chỉnh hoạt động của mô hình kinh doanh mới này.

3.3. Vấn đề quản lý thuế đối với hoạt động AirBnB

Hiện nay, các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam về thuế vẫn còn nhiều lúng túng trong việc thu thuế đối với mô hình AirBnB và các mô hình tương tự. Đối với AirBnB, mỗi giao dịch cho thuê

Hình 2: Quy trình thanh toán tại mô hình AirBnB



Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp, năm 2019.

nhà thành công, AirBnB giữ lại lợi nhuận 13%. AirBnB đặt chủ sở chính tại Ireland nhằm tránh được cả hai mức thuế cao nhất là 35% theo thuế Mỹ và 12,5% theo thuế thu nhập Ireland. Tiền giao dịch của AirBnB tại 190 quốc gia được chuyển thẳng tới một trung tâm thanh toán tại Ireland cho phép che giấu được hầu hết các khoản lợi nhuận tại hầu hết các quốc gia (Nguyễn Thị Loan, 2019).

Hầu hết các hoạt động trong môi giới thương mại điện tử chủ yếu sử dụng hình thức thanh toán quốc tế về thương mại bằng thẻ nên việc kiểm soát của cơ quan nhà nước và ngay cả ngân hàng đang gặp khó khăn. Các quy định về nghĩa vụ thuế hiện hành về kinh doanh thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam đã có nhưng được hướng dẫn chung chung cho tất cả các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài có phát sinh nghĩa vụ thuế mà chưa có văn bản hướng dẫn đặc thù trong quản lý, kê khai, thu nộp, quản lý thuế riêng cho hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử. Trong thực tế, việc thu thuế còn gặp khó khăn, cách hiểu còn khác nhau.

Đối với dịch vụ du lịch – khách sạn trực tuyến được cung cấp bởi các doanh nghiệp nước ngoài, vấn đề then chốt trong quản lý thuế là việc các doanh nghiệp này sử dụng các trung gian thanh toán cho các giao dịch. Những giao dịch khi đi qua công ty thanh toán sẽ được doanh nghiệp chuyển tiền qua lại giữa nhiều quốc gia khiến cơ quan quản lý khó tìm ra đích đến, từ đó khó kê khai và truy thu thuế.

3.3.1. Giai đoạn 1: thanh toán dịch vụ

Ở Việt Nam hiện nay, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ du lịch trực tuyến cung cấp cho người mua dịch vụ 4 hình thức thanh toán (sử dụng thẻ thanh toán quốc tế, sử dụng thẻ nội địa, chuyển khoản qua ngân hàng, thanh toán bằng tiền mặt) phù hợp với nhiều đối tượng sử dụng dịch vụ khác nhau.

Tiền khách hàng thanh toán cho các dịch vụ này được chuyển qua một bên trung gian, sau đó các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khách sạn, vận chuyển sẽ nhận được khoản tiền này khi khách hàng sử dụng dịch vụ. Cuối kỳ thanh toán, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phải thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý, phần trăm hoa hồng ở các đại lý khác nhau có sự chênh lệch.

3.3.2. Giai đoạn 2: kê khai nộp thuế

Căn cứ quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và pháp luật về quản lý thuế, Bộ Tài chính (2017) đã hướng dẫn về

chính sách thuế và quản lý thuế đối với hoạt động của các công ty có trụ sở tại nước ngoài kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, đặt phòng tại Việt Nam theo hình thức trực tuyến phải tuân thủ các điều khoản về nghĩa vụ thuế và về nghĩa vụ khai, nộp thuế.

AirBnB là doanh nghiệp nước ngoài, không đáp ứng điều kiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp khi ký kết hợp đồng với các cơ sở lưu trú ở Việt Nam thì thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ trên doanh thu hoa hồng được hưởng theo quy định, Bộ Tài chính (2014, Điểm a, khoản 2, Điều 12 và 13) đã hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam, ban hành ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể: thuế giá trị gia tăng tính trên doanh thu được hưởng là 5% và thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu được hưởng là 5%.

Bộ Tài chính (2013, Khoản 3, Điều 20) quy định: “Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế giá trị gia tăng tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ tính trên doanh thu là loại khai theo lần phát sinh thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài và khai quyết toán khi kết thúc hợp đồng nhà thầu. Trường hợp bên Việt Nam thanh toán cho nhà thầu nước ngoài nhiều lần trong tháng thì có thể đăng ký khai thuế theo tháng thay cho việc khai theo từng lần phát sinh thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài. Bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài và nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của bên Việt Nam”. Trường hợp khách hàng thuê phòng trả tiền trực tiếp cho cơ sở lưu trú ở Việt Nam, sau đó cơ sở lưu trú trả tiền hoa hồng môi giới đặt phòng cho nhà thầu nước ngoài thì cơ sở lưu trú có trách nhiệm khai, nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Trường hợp khách hàng thuê phòng trả tiền trực tiếp cho nhà thầu nước ngoài, sau đó nhà thầu nước ngoài chuyển tiền phòng cho cơ sở lưu trú và giữ lại tiền hoa hồng được hưởng thì: Đối với trường hợp cơ sở lưu trú và nhà thầu nước ngoài đã ký hợp đồng thì đề nghị cục thuế yêu cầu cơ sở lưu trú có trách nhiệm thông báo cho nhà thầu nước ngoài biết nghĩa vụ thuế và khai, nộp thuế nhà thầu thay nhà thầu nước ngoài. Đối với trường hợp cơ sở

lưu trú và nhà thầu nước ngoài chưa ký hợp đồng thì đề nghị cục thuế lưu ý cơ sở lưu trú phải xác định rõ nghĩa vụ thuế của nhà thầu nước ngoài khi ký hợp đồng và cơ sở lưu trú có trách nhiệm khai, nộp thuế nhà thầu thay cho nhà thầu nước ngoài.

4. Kết luận và giải pháp quản lý đối với mô hình chia sẻ phòng lưu trú ở Việt Nam

4.1. Xây dựng hệ thống các quy định điều chỉnh hoạt động môi giới thương mại điện tử

Hoạt động môi giới thương mại điện tử vừa chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật thương mại, vừa chịu sự điều chỉnh của pháp luật thương mại điện tử. Vì vậy, không thể tránh khỏi việc chồng chéo, mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật, và đặc biệt pháp luật thương mại chưa quy định bao trùm hết được hoạt động môi giới thương mại điện tử. Trên thế giới vẫn tồn tại những quan điểm trái chiều về hoạt động này, nhiều phán quyết đã được đưa ra nhưng nó vẫn chưa làm rõ vấn đề, chưa thực sự thỏa mãn, phù hợp, tạo một khung pháp lý chuẩn để hoạt động này tồn tại, phát triển đúng bản chất. Như thời gian đầu Airbnb hoạt động tại Bang Texas ở Mỹ được cho rằng đã ảnh hưởng đến doanh thu của khách sạn, trong khi đó tại Thành phố London của Anh hoạt động của Airbnb lại được đánh giá cao về mặt lợi ích (Quattrone, G & Cộng sự, 2016). Cho nên, việc hoàn thiện các quy định điều chỉnh hoạt động môi giới này là hết sức cần thiết dựa trên định nghĩa và các đặc điểm nêu trên.

4.2. Quy định rõ điều kiện trở thành chủ thể môi giới và chủ thể được môi giới

Do các quy định chưa rõ ràng, thống nhất giữa hai hệ thống thương mại điện tử và thương mại truyền thống hiện nay nên các chủ thể tham gia chưa phải đáp ứng các điều kiện luật định mà cơ bản phụ thuộc vào hợp đồng giữa bên môi giới và bên được môi giới. Chính điều này là nguồn cơn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh với những chủ thể kinh doanh hàng hóa dịch vụ truyền thống, vấn đề trốn thuế, thiếu minh bạch thông tin. Cho nên, việc hoàn thiện quy định về môi giới thương mại điện tử cần phải kết hợp với những quy định pháp luật có liên quan để thống nhất việc chủ thể môi giới phải: đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước, đăng ký hoạt động sản giao dịch thương mại điện tử mà mình tạo lập để tiến hành môi giới, đảm bảo và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của chủ thể được môi giới.

Nhằm đảm bảo tính cạnh tranh công bằng, bình đẳng trong thị trường, chủ thể được môi giới phải

đáp ứng các điều kiện để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng mà pháp luật chuyên ngành quy định, nhất là trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Chủ thể môi giới có nghĩa vụ kiểm tra các thông tin liên quan về điều kiện trên trước khi ký hợp đồng. Nếu không trách nhiệm sẽ thuộc về chủ thể môi giới. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên các điều kiện trong quy định pháp luật hiện hành trên thị trường kinh doanh truyền thống có thể sẽ là rào cản lớn đối với xu hướng “kinh tế chia sẻ”. Do vậy, các điều kiện đặt ra cần được nghiên cứu phù hợp với đặc trưng của hoạt động, tạo điều kiện cho việc chia sẻ quyền sử dụng hàng hóa, dịch vụ, tận dụng triệt để tài sản tránh lãng phí. Bên cạnh đó pháp luật cần giới hạn mức đánh giá tối thiểu trực tuyến với người được môi giới trong từng loại hình dịch vụ người đó cung cấp, thông qua xếp hạng sao trực tuyến do người tiêu dùng tự đánh giá.

4.3. Vấn đề quản lý thông tin người dùng cần được nâng cao

Việt Nam đã ban hành Luật an ninh mạng và chính thức có hiệu lực từ 1/1/2019. Tuy nhiên, vấn đề thực thi pháp luật cần phải hướng tới việc thực hiện triệt để quy định “thông tin người dùng Việt Nam chỉ được tồn tại trong lãnh thổ Việt Nam” bảo vệ thông tin người tiêu dùng có hiệu quả. Bên cạnh đó, cơ quan nhà nước có thể kiểm soát các giao dịch xuyên biên giới tốt hơn, dễ dàng hơn trong việc truy thu thuế.

Phối hợp với các nước trong việc trao đổi, chia sẻ các thông tin liên quan đến dữ liệu tính toán thuế phải thu của các doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh theo mô hình như Airbnb để có thể kiểm soát được tình hình doanh thu và dòng tiền của các mô hình này có được từ việc thực hiện kinh doanh tại Việt Nam.

4.4. Xây dựng chính sách giám sát linh hoạt để hạn chế tối đa việc thất thoát thuế

Về nguyên tắc, các ngân hàng đều nắm được thông tin các khoản thanh toán chuyển khoản, nhưng để tổng hợp xác định là không dễ vì các khoản thanh toán rất nhỏ lẻ nên thu thuế qua ngân hàng là khó thực hiện. Sự phối hợp nêu trên sẽ đạt hiệu quả trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế để xác định doanh thu khi có dấu hiệu trốn thuế. Bổ sung quy định đơn vị cung cấp dịch vụ môi giới thương mại điện tử có tính đa quốc gia phải thành lập chi nhánh tại Việt Nam hoặc cơ quan đại diện thuế tại Việt Nam thì mới có thể vào thị trường Việt Nam khai thác. Thực

hiện thu thuế theo quy định về thuế nhà thầu và tiến hành hoàn thuế khi các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh mình đã thực hiện các nghĩa vụ thuế đó tại nước sở tại để đảm bảo thực hiện đúng quy định về Hiệp ước chống đánh thuế hai lần mà Việt Nam tham gia ký kết.

5. Kết luận

Vai trò và lợi ích của mô hình kinh tế chia sẻ trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã thể hiện rất rõ và đem lại lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng và toàn xã hội. Bản chất của những mô hình này đều dựa trên nền tảng của CNTT để gia

tăng kết nối, tiết kiệm được chi phí quản lý, phát huy được lợi thế kinh tế theo quy mô, tài nguyên nhân rồi. Hoạt động của mô hình AirBnB và các mô hình kinh tế chia sẻ trên thế giới và Việt Nam đã đặt ra yêu cầu mới dưới khía cạnh pháp lý và chính sách phát triển trong thời gian tới để Việt Nam có thể nghiên cứu sửa đổi Luật Giao dịch Điện tử, Luật thương mại và các văn bản luật khác có liên quan theo hướng thừa nhận sự tồn tại một cách chính thức đối với các mô hình kinh tế chia sẻ như AirBnB và các mô hình khác để những mô hình này có thể phát triển trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Biber, E., Light, S. E., Ruhl, J.B. & Salzman, J. (2017), 'Regulating business innovation as policy disruption: From the model T to Airbnb', *Vanderbilt Law Review*, 70, 15-61.
- Blal, I., Singal, M. & Templin, J. (2018), 'Airbnb's effect on hotel sales growth', *International Journal of Hospitality Management*, 73, 85-92.
- Bộ Công Thương (2018), *Văn kiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 2 năm 2020, từ <http://cptpp.moit.gov.vn/?page=overview&category_id=368aeb47-ffbe-4324-bc57-2ecabf61b78a>.
- Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 103/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân ước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam*, ban hành ngày 6 tháng 8 năm 2014.
- Bộ Tài chính (2017), *Công văn số 848/BTC-TCT về việc chính sách thuế và quản lý thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh của dịch vụ đặt phòng trực tuyến*, ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2017.
- Constantinides, P., Henfridsson, O. & Parker, G.G. (2018), 'Introduction—Platforms and infrastructures in the digital age', *Information Systems Research*, 29(2), 1-20.
- Hamari, J., Sjöklint, M., & Ukkonen, A. (2016), 'The sharing economy: Why people participate in collaborative consumption', *Journal of the Association for Information Science and Technology*, 67, 2047–2059.
- Ki, D. & Lee, S. (2019), 'Spatial Distribution and Location Characteristics of Airbnb in Seoul, Korea', *Sustainability*, 11(15), 4108.
- Trần Thị Hiền, Ngô Thị Thủy & Nguyễn Hồng Quân (2019), 'Trải nghiệm, giá trị cảm nhận và sự hài lòng của khách hàng', *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 266, 53-62.
- Jiang, R., Zhou, Y. & Li, R. (2018), 'Moving to a low-carbon economy in China: decoupling and decomposition analysis of emission and economy from a sector perspective', *Sustainability*, 10(4), 978.
- Krajcik, V., Kljucnikov, A. & Rihova, E. (2019), 'Innovative Sharing Economy's Business Models in Tourism: Case of Airbnb in Prague', *Marketing and Management of Innovations*, 2, 108-117.
- Lazar, A. (2018), 'Home-Sharing in South Australia: Protecting the Rights of Hosts, Guests, and Neighbours', *UniSA Student Law Review*, 3, 50-71.
- Nguyễn Thị Loan (2018), 'Kinh tế chia sẻ - tiềm năng và thách thức đối với Việt Nam', *Tạp chí Tài chính*, truy cập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ <<http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/kinh-te-chia-se-tiem-nang-va-thach-thuc-doi-voi-viet-nam-301322.html>>.
- Martin, P.F. (2019), 'Sharing economy, competition and regulation: the case of Uber in the case-law of the Court of Justice of the European Union', *UNIO-EU Law Journal*, 5(1), 54-67.
- Hoàng Phê (2018), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Việt Nam, 789-792.

- Sharable, S. (2013), *Policies for shareable cities; A sharing economy policy primer for urban leaders*, Oakland, CA: Shareable, Sustainable Economies Law Center (SELC), California, 94041, USA.
- Sundararajan, A. (2016), *The sharing economy: The end of employment and the rise of crowdbased capitalism*, MIT Press, London, England.
- Quattrone, G.; Proserpio, D.; Quercia, D.; Capra, L. & Musolesi, M. (2016), ‘Who Benefits from the ‘Sharing’ Economy of Airbnb’, *In Proceedings of the 25th International Conference on World Wide Web*, Montreal, QB, Canada, 1383-1395.
- Quốc hội (2014), *Luật số 67/2014/QH13 Luật Đầu tư*, ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Quốc hội (2005), *Luật số 36/2005/QH11 Luật Thương mại*, ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005.
- Quốc hội (2014), *Luật số 68/2014/QH13 Luật Doanh nghiệp*, ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2014.
- Tian, L. & Jiang, B. (2018), ‘Effects of consumer-to-consumer product sharing on distribution channel’, *Production and Operations Management*, 27(2), 350-367.
- Trung tâm thông tin Công nghiệp & Thương mại (VTIC) – Bộ Công Thương (2016), *Phát luật về thương mại điện tử trên thế giới và Việt Nam*, truy cập ngày 28 tháng 2 năm 2020, từ <<http://ecommerce.gov.vn/thuong-mai-dien-tu/tin-tuc/phap-luat-ve-thuong-mai-dien-tu-tren-the-gioi-va-viet-nam-1>>.
- Zervas, G., Proserpio, D. & Byers, J. W. (2017), ‘The rise of the sharing economy: Estimating the impact of Airbnb on the hotel industry’, *Journal of Marketing Research*, 54(5), 687–705.